

## PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯ DÂN<sup>1</sup>

(Nghiên cứu trường hợp xã An Hải và xã Bình Minh)<sup>2</sup>

LÊ NGỌC HUYNH

### Ở đầu

Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các quy luật của nền kinh tế thị trường đã tạo cho kinh tế hộ gia đình phát triển mạnh mẽ; song, nó cũng làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo. Điều này đã và đang tác động trở lại tới sự phát triển của các cộng đồng cư dân. Chính vì vậy, phân hóa giàu nghèo vẫn đang là một vấn đề được sự quan tâm của cả xã hội.

Việc xác định phân hóa giàu nghèo thường tùy thuộc vào quan điểm của từng cơ quan chuyên môn, giai tầng xã hội hay từng người. Tuy nhiên, từ trước đến nay, ở nước ta, vẫn có hai cách cơ bản: một cách của chính quyền địa phương dựa vào các quy định của Nhà nước và một cách khác của cộng đồng cư dân, dựa trên các tiêu chí về nguồn thu nhập, nhà cửa, tiện nghi, đầu tư cho học hành, giải trí, chữa bệnh...

Trong những năm gần đây, các nhà nghiên cứu Việt Nam sử dụng các chỉ báo về thu nhập, mức chi tiêu, điều kiện nhà ở, các vật dụng trong gia đình để đánh giá sự phân

hóa xã hội, thực chất đây là sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội hiện nay. Các nhà xã hội học thường dựa trên một số tiêu chí như nhà ở (loại nhà, diện tích, sở hữu nhiều hay ít đất thổ cư...); các tiện nghi trong gia đình (ti vi, đầu video, máy giặt, xe máy, ô tô, điều hòa, tủ lạnh), chi tiêu cho ăn uống, nuôi con ăn học, nhu cầu vui chơi giải trí; mức thu nhập của hộ gia đình trong một năm và sự tự đánh giá (Trịnh Duy Luân, 2004). Các tiêu chí trên đây được cụ thể hóa ở từng địa phương, cộng đồng cư dân, tùy thuộc đặc điểm nghề nghiệp, kinh tế, truyền thống văn hóa.

Đối với các cộng đồng ngư dân, vấn đề phân hóa giàu nghèo đã và đang được một số nhà nghiên cứu bàn đến. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Duy Thiệu (2002), Đỗ Hoài Nam (2003)... cho thấy, đời sống kinh tế của ngư dân có sự phân hóa tương đối rõ rệt giữa các vùng ven biển: Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Bộ.

Trần Hồng Liên và Phan Thị Yến Tuyết tìm hiểu hoạt động kinh tế của ngư dân vùng Nam Bộ. Kết quả khảo sát cho thấy, mức thu nhập giữa 5 nhóm trong cộng đồng ngư dân có sự chênh lệch 10,5 lần và bình quân thu nhập đầu người giữa hộ thấp nhất và cao nhất chênh lệch nhau 150 lần (Trần Hồng Liên, 2004, tr. 78). Sự chênh lệch thu nhập còn diễn ra giữa các ngành,

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “*Một số vấn đề về đời sống xã hội và văn hóa của cộng đồng ngư dân ven biển và hải đảo từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa từ góc nhìn dân tộc học*” do PGS. TS. Bùi Xuân Đính và TS. Nguyễn Thị Thanh Bình đồng chủ nhiệm.

<sup>2</sup> Xã An Hải thuộc huyện Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) và xã Bình Minh thuộc huyện Thăng Bình (tỉnh Quảng Nam).

“các hộ chuyên làm biển (phần lớn làm thuê, không có phương tiện đánh bắt) thường rơi vào các nhóm có thu nhập thấp” (Phan Thị Yến Tuyết, 2014). Các hộ có nguồn thu từ đa ngành nghề, đặc biệt các gia đình buôn bán dịch vụ, có cơ sở sản xuất thuộc nhóm giàu có (Phan Thị Yến Tuyết, 2014, tr. 137). Khoảng cách về thu nhập còn diễn ra trong nội bộ ngành ngư nghiệp. Những người đi “bạn”<sup>3</sup> có thu nhập thấp hơn so với những người sở hữu riêng hoặc đồng sở hữu một con tàu cùng bộ ngư lưới cụ. Kết quả nghiên cứu của các tác giả trên đã phác họa phần nào bức tranh thu nhập trong cộng đồng ngư dân. Tuy nhiên, các công trình trên có tính định lượng cao, chưa cho thấy người giàu là những ai, ai là người nghèo, lối sống của họ như thế nào và sự phân hóa này được người dân cảm nhận như thế nào (Lê Ngọc Huỳnh, 2015).

Trong bài viết này, chúng tôi kết hợp phương pháp định tính và định lượng để nghiên cứu sự phân hóa giàu nghèo của cộng đồng ngư dân xã An Hải (huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) và xã Bình Minh (huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam). Đây là hai địa phương có nguồn sống chính gắn với khai thác hải sản; trong đó, một bộ phận lớn đánh bắt xa bờ; số ít làm buôn bán dịch vụ, riêng xã An Hải và hai xã khác trên đảo Lý Sơn có nghề trồng tỏi, bổ sung thu nhập cho phần đông các hộ ngư dân.

## 1. Các yếu tố tác động đến phân hóa giàu nghèo trong cộng đồng ngư dân<sup>4</sup>

Phân hóa giàu nghèo luôn tồn tại trong các xã hội có giai cấp. Trong mỗi cộng đồng dân cư lại có sự phân hóa sâu sắc hơn bởi sự tác động của phương thức mưa sinh, quan hệ tư liệu sản xuất, quan hệ cộng đồng... Đối với các cộng đồng ngư dân nói chung, ngư dân hai điểm nghiên cứu nói riêng, phân hóa giàu nghèo chịu tác động của các yếu tố sau:

*Yếu tố mưu sinh:* Khai thác hải sản, nhất là tại các ngư trường xa, là một nghề chứa đựng đầy tính may rủi, bởi “chim trời cá nước”, không phải lúc nào cũng gặp, nếu gặp thì đánh bắt cũng không dễ thu được nguồn lợi hải sản như mong muốn hay tương xứng với chi phí đầu vào. Tính chất phụ thuộc vào thiên nhiên trong đánh bắt hải sản của ngư dân cũng có nhiều nét tương đồng như sản xuất nông nghiệp của nông dân. Rất nhiều ngư dân bị lỗ sau nhiều chuyến đi biển, đặc biệt với việc đánh bắt ở các ngư trường xa, chi phí cho một chuyến đi biển (xăng dầu, đá và các chi phí sinh hoạt cho bạn thuyền) rất lớn, nhưng nhiều khi không đi liền với hiệu quả. Qua vài chuyến đi như vậy, họ bị “thâm vào vốn”, rơi vào tình cảnh thua lỗ, phá sản. Điều này giống như người làm nông nghiệp đầu tư vào sản xuất cây trồng, chăn nuôi, vài ba vụ bị thất thu sẽ trắng tay, ắt lâm vào cảnh nợ nần, thiếu đói. Với các chủ tàu, việc đánh bắt không hiệu quả kéo dài còn là điều nguy hiểm, vì sau vài ba chuyến như vậy, rất khó gọi được bạn

<sup>3</sup> *Bạn thuyền:* Những người cùng đi đánh bắt trên một con thuyền (tàu) ngoài khơi, có thể là người cùng sở hữu con thuyền, song đa phần chỉ là người đi đánh bắt thuê cho một chủ thuyền.

<sup>4</sup> Về những yếu tố tác động đến sự phân hóa giàu nghèo của ngư dân ở hai điểm nghiên cứu, tác giả đã trao đổi và tham khảo ý kiến của PGS. TS. Bùi Xuân Đính.

thuyền đi cùng, bởi bạn thuyền phải đi tìm đến chủ nào đánh bắt “gặp hên” để cứu cuộc sống gia đình họ; khi đó, tàu sẽ bị “đắp chiếu”, chủ tàu rất dễ phá sản.

Tuy nhiên, bên cạnh nhiều người “tay trắng” do gặp “rủi”, cũng có nhiều người may mắn, trúng lớn sau một vài chuyến đi biển. Đặc biệt, nếu trúng các loại cá có giá trị kinh tế cao, họ nhanh chóng phát lên, tích lũy được vốn để đóng mới hoặc nâng cấp tàu cùng bộ ngư lưới cụ. Theo cách nhìn của người địa phương, những người có tàu riêng đương nhiên là người giàu. Nếu chủ tàu nào “trúng mùa” thì thu nhập của họ rất lớn, tạo ra khoảng cách xa so với các chủ tàu khác và bạn thuyền. Những người không có tư liệu khai thác, đi đánh bắt thuê thu nhập rất thấp.

*Yếu tố giới tính và tuổi tác:* Đây là yếu tố rất quan trọng tác động đến sự phân hóa giàu nghèo. “Đi biển là nghề rất vất vả, nghề biển nguy hiểm lắm, sống chết không biết thế nào”. Thông thường, những người đàn ông ngoài 40 tuổi có tần xuất đi biển giảm dần rồi nghỉ, do sức khỏe không đủ để chèo thuyền. Gia đình không có người đi biển được, kinh tế sẽ rất khó khăn. Những hộ có đông nam giới khỏe mạnh, đều tham gia nghề biển, sẽ có thu nhập cao, đời sống gia đình được nâng lên. Hầu hết những người phụ nữ ở hai địa phương trên gần như không tham gia vào ngành ngư nghiệp. Số ít họ tham gia gánh cá, buôn bán cá trên bờ, hoặc tham gia lao động tại các xưởng chế biến, làm công nhân (xã Bình Minh), còn lại là lao động nông nghiệp (xã An Hải). Việc đi biển hoàn toàn do nam giới gánh vác. Chính vì vậy, người đàn ông có vai trò rất quan trọng trong kinh tế của một gia đình; khi không có người đàn ông, gia đình dễ rơi vào cảnh nghèo.

*Yếu tố học vấn:* Đây cũng là một trong những yếu tố tác động đến sự phân hóa giàu nghèo ở hai xã An Hải và Bình Minh. Yếu tố học vấn thường mang ý nghĩa trình độ học vấn của người trực tiếp tham gia lao động và đầu tư cho giáo dục. Nhưng đối với hai địa phương trên, học vấn chưa hẳn quyết định tới khả năng sáng tạo trong công việc, mà chủ yếu thể hiện ở phương diện đầu tư vào giáo dục cho thế hệ sau. Gia đình giàu có thường cố gắng tạo môi trường tốt nhất cho con cái học tập, nhiều gia đình đã cho con vào thành phố học từ cấp 3. Đối với những gia đình nghèo, con cái thường bỏ học giữa chừng.

*Tính năng động của người dân tác động nhiều tới sự phân hóa giàu nghèo trong cộng đồng ngư dân.* Hầu hết những người giàu ở hai địa phương trên họ dám nghĩ, dám làm, nhạy bén với cơ chế thị trường, biết cách làm ăn. Những người này có sức khỏe, học hỏi nhanh các kỹ năng đi biển, phán đoán tốt nơi có nhiều cá, đồng thời học nghề từ những nơi khác, rồi phát triển lên thành nghề của mình. Những người buôn bán tạp hóa nhận thấy nhu cầu tiêu thụ lớn về thực phẩm từ những người đi biển, đã nhanh chóng đứng ra cung cấp các dịch vụ để có lợi nhuận cao và thường xuyên. Hiện nay, một số người dân ở An Hải nhận thấy lượng khách du lịch đến Lý Sơn đang ngày càng đông, đã nhanh chóng mở dịch vụ tại nhà (homestay), thể hiện sự nhạy bén với kinh tế thị trường của người dân nơi đây.

*Tiếp cận các dịch vụ xã hội* cũng là một yếu tố tác động đến phân tầng xã hội. Dịch vụ xã hội ở đây gồm có tiếp cận nguồn vốn vay, dịch vụ y tế. Hầu hết các hộ nghèo là những người không có vốn, họ không có

tài sản thế chấp để có thể vay ngân hàng mà hoàn toàn trông chờ vào nguồn vốn của ngân hàng chính sách với lãi suất thấp, nhưng lượng vốn vay ít. Với số vốn vay ít, người dân không đủ để đầu tư vào tàu thuyền nên kinh tế không phát triển được. Ngược lại, những hộ có điều kiện khá, chứng minh được khả năng trả nợ, sẽ dễ dàng tiếp cận được vốn lớn từ các ngân hàng thương mại hoặc các đầu nậu. Người giàu có khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế tốt hơn người nghèo.

*Yếu tố vốn và mạng lưới xã hội:* Người dân nào có sự quảng giao rộng rãi và bền chặt với nhiều người, người ấy có thể huy động được nguồn tài chính để đầu tư và mở rộng sản xuất. Hơn nữa, nhờ mạng lưới xã hội của mình, họ có thể biết nơi nào đang thu mua hải sản với giá cao để cập cảng nơi đó. Như vậy, mạng lưới xã hội của họ phát huy được tác dụng, sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao.

*Những yếu tố phong tục, tín ngưỡng và kiêng kỵ* cũng là những tác nhân khách quan ảnh hưởng đến nghèo và phân hóa giàu nghèo trong cộng đồng ngư dân. Những ngày “nghỉ trắng”<sup>5</sup>, ngày lễ, ngày hội của làng, đặc biệt các kiêng kỵ bắt buộc của ngư dân (vợ sẩy thai, gia đình có người mất) khiến họ phải nghỉ nhiều ngày. Một chuyến

đi khơi kéo dài hai đến ba tháng, ngư dân buộc phải nghỉ trong khoảng thời gian đó, đồng nghĩa với gia đình họ mất đi nguồn thu nhập của chuyến đó. Gia đình nào nghèo, không có tiền tích lũy đủ trang trải cho thời gian nghỉ trên phải vay mượn hoặc ứng tiền trước của chủ tàu, trả nợ sau. Có thể nói, các yếu tố chủ quan và khách quan trên đang làm cho sự phân hóa giàu nghèo diễn ra mạnh mẽ tại hai địa điểm nghiên cứu.

## **2. Phân hóa giàu nghèo ở hai điểm nghiên cứu**

### **2.1. Phân hóa giàu nghèo theo tiêu chí của chính quyền địa phương**

Bảng 1 dưới đây cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo của xã An Hải qua các năm luôn ở mức 23% trở lên, riêng năm 2014 giảm xuống mức 15,66%. Nguyên nhân của tình trạng trên là do nhiều người có xu hướng tách khỏi hộ gốc để được hưởng chế độ của hộ nghèo. Xu hướng này đang tăng lên và chiếm tỷ lệ lớn trong số các hộ nghèo.

Qua điều tra 69 hộ gia đình ở xã An Hải, có 7 hộ nghèo (10,1%), 6 hộ giàu (8,7%); số hộ khá (29%) và trung bình (52,2%). Khoảng cách thu nhập giữa người giàu và người nghèo là rất lớn. Hộ giàu có thu nhập vài trăm triệu một năm, thậm chí một số hộ có thu nhập tiền tỷ. Trong khi đó, nhiều hộ nghèo chỉ có thu nhập vài chục nghìn đồng/ngày.

Tại xã Bình Minh, số hộ nghèo tuy thấp hơn so với xã An Hải, song cũng rất cao (Bảng 2).

<sup>5</sup> Một số hình thức đánh bắt trong lộng và bờ không thể hoạt động được vào những đêm trăng sáng đầu và giữa tháng (từ 7- 10 ngày), gọi là *nghỉ trắng*. Chẳng hạn, nghề chụp mực, nghỉ đánh bắt từ mùng 7 đến 17; nghề lưới vây, nghỉ từ mùng 10 đến 20.

*Bảng 1. Số hộ nghèo ở xã An Hải, huyện Lý Sơn*

| <i>Năm</i> | <i>Tổng số hộ</i> | <i>Số hộ nghèo</i> | <i>Tỷ lệ %</i> |
|------------|-------------------|--------------------|----------------|
| 2010       | 1.986             | 497                | 25,03          |
| 2011       | 2.013             | 552                | 27,42          |
| 2012       | 2.013             | 537                | 26,68          |
| 2013       | 2.141             | 510                | 23,82          |
| 2014       | 2.318             | 363                | 15,66          |

*Nguồn:* UBND xã An Hải.

*Bảng 2. Số hộ nghèo và cận nghèo của xã Bình Minh năm 2013*

| <i>TT</i>   | <i>Thôn</i> | <i>Tổng số hộ</i> | <i>Hộ nghèo</i> |                | <i>Hộ cận nghèo</i> |                |
|-------------|-------------|-------------------|-----------------|----------------|---------------------|----------------|
|             |             |                   | <i>Số hộ</i>    | <i>Tỷ lệ %</i> | <i>Số hộ</i>        | <i>Tỷ lệ %</i> |
| 1           | Tân An      | 551               | 81              | 14,70          | 61                  | 11,07          |
| 2           | Hà Bình     | 656               | 128             | 19,51          | 91                  | 13,87          |
| 3           | Bình Tĩnh   | 297               | 60              | 20,20          | 28                  | 9,3            |
| 4           | Bình Tân    | 249               | 60              | 24,10          | 37                  | 14,86          |
| <i>Tổng</i> |             | <i>1.753</i>      | <i>329</i>      | <i>18,76</i>   | <i>217</i>          | <i>12,37</i>   |

*Nguồn:* UBND xã Bình Minh.

Giữa các thôn trong xã có sự khác biệt về mức độ giàu nghèo; biên độ giữa thôn có tỷ lệ nghèo thấp nhất và cao nhất là 9,4%. Bình Tĩnh và Bình Tân là hai thôn có tỷ lệ nghèo cao, do chịu thiệt hại nặng nề từ cơn bão Chan Chu năm 2006 và cơn hồng triều năm 2007. Hà Bình là thôn trung tâm của xã,

nhiều hộ gia đình không sống bằng ngư nghiệp, cũng là thôn có nhiều cán bộ công chức, viên chức nhất trong xã. Trong số 29 người là cán bộ cấp huyện và sĩ quan quân đội từ cấp huyện trở lên của cả xã, có 28 người thuộc thôn Hà Bình và Tân An, chỉ có 01 người thuộc thôn Bình Tĩnh, không có ở thôn Bình Tân.

## 2.2. Phân hóa giàu nghèo dưới cái nhìn của người dân

### 2.2.1. Quan niệm về nghèo

Bên cạnh các quan điểm về nghèo được hướng dẫn từ trên xuống, người dân cũng có những cái nhìn riêng của họ về nghèo đói. Bảng 3 dưới đây cho thấy rõ điều đó.

Nhìn chung, các quan điểm về nghèo của người dân ở hai địa phương trên là tương đối giống nhau. Trong khi những người làm chính sách ở địa phương chỉ dựa trên mức thu nhập theo hướng dẫn của Nhà

nước để xác định hộ nghèo, người dân lại có cái nhìn toàn diện, đa chiều hơn; không chỉ căn cứ vào mức thu nhập mà còn tính đến các tiện nghi sinh hoạt, nhà cửa, cơ cấu bữa ăn, phương tiện đi lại và khả năng phát triển kinh tế của từng hộ gia đình.

Khi đưa ra các tiêu chí về nghèo, người dân cũng chỉ ra các đặc điểm của hộ nghèo, cũng như nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo. Ở đây, chúng tôi sắp xếp các đặc điểm cũng như nguyên nhân tương đồng nhau trong một hàng.

Bảng 3. Quan niệm về nghèo của người dân

| <i>Tiêu chí</i>        | <i>Xã An Hải</i>   | <i>Xã Bình Minh</i>   |
|------------------------|--|---|
| Nhà ở                  | Chỗ ăn ở khó khăn, thường là nhà cấp 4                     | Nhà cấp 4, hoặc nhà tạm   |
| Tiện nghi sinh hoạt    | Không có ti vi, tủ lạnh, máy giặt, hoặc có ti vi đen trắng | Trong nhà không có gì, ti vi cũ không đáng tiền                             |
| Phương tiện đi lại     | Xe máy cũ, xe đạp  | Có nhà có xe máy, có nhà không, nhưng xe máy cũ, giá trị khoảng 2 - 3 triệu |
| Thực phẩm trong bữa ăn | Cơm rau, ít khi có thịt, cá                                | Thức ăn chủ yếu là rau, hầu như không có thịt, cá                           |

*Nguồn:* Tư liệu phỏng vấn của tác giả, tháng 4/2015.

Nguồn tư liệu trên cho thấy, một số đặc điểm về hộ nghèo trùng với nguyên nhân gây ra nghèo như rủi ro trên biển, già yếu không còn sức lao động, trụ cột gia đình mất đi... Tuy nhiên, mỗi địa phương lại có những đặc trưng riêng về nghèo. Tại An Hải,

ngoài những hộ nghèo thường do tai nạn biển, một số ít do cờ bạc, còn có nhiều hộ chuyên sống bằng trồng tỏi vốn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, giá cả thị trường của từng mùa vụ nên thu nhập không ổn định, dễ rơi vào nghèo đói.

**Bảng 4. Đặc điểm và nguyên nhân dẫn đến nghèo tại địa bàn nghiên cứu**

| <b>Mục so sánh</b>       | <b>Xã An Hải</b>   | <b>Xã Bình Minh</b>   |
|--------------------------|--|---|
| <b>Đặc điểm hộ nghèo</b> | Những người già mất sức lao động, đơn thân   | Gia đình toàn người già yếu   |
|                          | Những gia đình lao động chính (làm biển) mất do tan nạn trên biển, không còn người gánh vác kinh tế gia đình | Những người đơn thân, con nhỏ, chồng mất do tai nạn đi biển                             |
|                          | Lao động chính sức khỏe yếu, không đi đánh bắt được  |   |
|                          | Gia đình đông con ăn học   |   |
|                          | Phá sản do tai nạn trên biển   | Một số hộ phá sản do chung bạn, song không đồng nhất cách ăn chia nên phải tách tàu     |
|                          | Những người không có việc làm ổn định  | Vợ chồng trẻ mới ra ở riêng   |
|                          | Những gia đình thuần nông  |   |
|                          | Một số ít cờ bạc, rượu chè   | Những hộ làm kinh tế không có kế hoạch, chi tiêu không hợp lý                           |
| <b>Nguyên nhân nghèo</b> | Thiếu vốn để đầu tư trang thiết bị cho nghề cá   | Không có nghề phụ khác, hoàn toàn phụ thuộc vào biển, biển mất mùa là không có thu nhập |
|                          | Bị Trung Quốc đánh chìm tàu, cướp tài sản trên biển  | Bị tàu Trung Quốc cướp bóc ngoài Trường Sa, Hoàng Sa                                    |
|                          | Rủi ro nghề biển bởi thiên tai   | Bị thiên tai làm phá sản  |
|                          | Dựa vào sản xuất nông nghiệp bấp bênh, được mùa mất giá  |   |

*Nguồn:* Tư liệu phỏng vấn của tác giả, tháng 4/2015.

Người dân xã Bình Minh sống trên vùng đất bãi ngang, không có đất để sản xuất nông nghiệp, cuộc sống chủ yếu dựa vào biển nên gặp nhiều khó khăn. Theo quan sát tại địa phương, nhà cửa, phương tiện đi lại và mức sinh hoạt của người dân khó khăn hơn so với người dân An Hải. Công việc

chạy chợ, buôn bán hàng ăn nhỏ cho thu nhập dăm bảy chục ngàn/ngày. Những người đi làm công nhân may, chế biến cá bò lương khoảng 3 triệu đồng/tháng (số lượng người tham gia không nhiều so với dân số của xã) cũng chỉ tạm đủ trang trải cuộc sống, bù đắp vào những ngày chồng không đi biển được.

Cả hai điểm nghiên cứu đều cho thấy, một bộ phận lớn các hộ nghèo là các hộ mới tách để hưởng các chế độ với hộ nghèo như được vay vốn ưu đãi của Ngân hàng chính sách, con đi học được giảm 50% học phí, được miễn phí tiền khám bệnh.

### 2.2.2. Quan niệm về giàu và các tầng mức sống khác

Qua khảo sát ý kiến của người dân, hầu hết mọi người đều nhận định, cuộc sống

hiện nay khá hơn trước rất nhiều. Đối với xã Bình Minh, sau cơn bão Chan Chu năm 2006, người dân nhận được sự quan tâm giúp đỡ của nhiều cơ quan, tổ chức xã hội và các nhà hảo tâm nên cuộc sống khá hơn, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của xã và các thôn được đầu tư xây dựng mới. Trong địa bàn khảo sát đã nổi lên một số hộ có điều kiện kinh tế khá giả hơn các hộ khác và được gọi là hộ giàu ở địa phương. Các hộ giàu có những đặc điểm sau (Bảng 5).

Bảng 5. Thành phần và đặc điểm hộ giàu ở địa bàn nghiên cứu

| <i>Mục so sánh</i> | <i>Xã An Hải</i>   | <i>Xã Bình Minh</i>   |
|--------------------|--|---|
| Thành phần hộ giàu | Các chủ tàu, tàu trưởng, những gia đình buôn bán                   | Chủ tàu, tàu trưởng, những gia đình kinh doanh              |
|                    | Kết hợp nông - ngư nghiệp  | Kết hợp ngư nghiệp và dịch vụ buôn bán<br>Hộ xưởng sản xuất |
|                    | Cán bộ xã  | Cán bộ xã   |
| Đặc điểm hộ giàu   | Nhà kiên cố 2, 3 tầng  | Nhà kiên cố to đẹp  |
|                    | Có đầy đủ tiện nghi sinh hoạt đất tiền như tivi, tủ lạnh, máy giặt | Có đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, đất tiền                     |
|                    | Có một vài xe máy đất tiền<br>Nhiều đất trong thành phố            | Phương tiện đi lại đất tiền                                 |
|                    | Có điều kiện đầu tư cho giáo dục và tiếp cận dịch vụ y tế          |   |

*Nguồn:* Tư liệu phỏng vấn của tác giả, tháng 4/2015.

Nếu như việc xác định người giàu sống ở các làng ven đô ở Hà Nội dựa nhiều vào tiêu chí đất, vì đất là tài sản có giá trị rất cao (Trần Thị Hồng Yến, 2013, tr. 203), thì ở An Hải và Bình Minh, người giàu là những người có tàu thuyền đánh cá riêng. Một con

tàu cùng dụng cụ đánh bắt cá có giá trị hàng tỷ đồng trở lên, cùng với đó là số vốn lưu thông để thực hiện một chuyến đi biển (thường hai ba tháng) lên tới vài trăm triệu, là tài sản rất lớn mà chỉ có số ít ngư dân có được. Bên cạnh những chủ tàu, những

thuyền viên chung vốn, người buôn bán tạp hóa, chủ cơ sở sản xuất, chế biến hải sản là những người giàu có ở địa phương. “*Giàu nhất là những người buôn bán, tiền của họ ở trong dân nhiều lắm, có khi cả bạc tỷ*” (Ý kiến của ông Nguyễn Văn Nhung, thôn Bình Tân, xã Bình Minh).

Những người giàu tại đây không phải là những người được thừa kế tài sản của cha mẹ, mà phần lớn tự vươn lên từ chính khả năng của mình. Họ chịu khó tìm tòi, sáng tạo, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, học hỏi nghề chụp mực từ nơi khác về phát triển trên quê hương mình, điển hình như ông Trần Văn Liên (xã Bình Minh). Một số người may mắn trúng biển trở nên giàu có; từ đó, họ tiếp tục quay vòng vốn đầu tư trang thiết bị hiện đại vào khai thác hải sản, kinh tế gia đình ngày một đi lên, trở thành những người giàu có tiếng trong xã. Tuy nhiên, sự giàu có không ổn định, vì nghề đi biển đầy may rủi, bấp bênh, sóng gió, hiểm nguy của biển cả, cũng có thể nhanh chóng khiến người giàu trở thành kẻ bần hàn. Trên địa bàn nghiên cứu, đã có không ít chủ tàu rơi vào tình trạng trên, lâm vào phá sản.

Bên cạnh những người giàu có, còn có bộ phận chiếm phần đông số hộ có mức sống khá và ổn định. Đó là các gia đình làm ngư nghiệp giỏi, công chức, viên chức, bộ đội (riêng ở An Hải còn có một vài hộ làm nông nghiệp). Họ không có đất trong thành phố, không có ô tô, nhưng có nhà kiên cố, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt trong gia đình, có điều kiện nuôi con ăn học, hay nói cách khác, họ cũng có “miếng ăn của để”. Cùng thuộc diện này, nhưng các hộ ở An Hải nổi trội hơn so với xã Bình Minh, vì An Hải là xã thuộc huyện đảo, được hưởng nhiều chính sách ưu

đãi của Nhà nước nên đồng lương của họ cao hơn.

### 3. Phân hóa xã hội theo lối sống

#### 3.1. Lối sống của người nghèo

Lối sống của một cộng đồng được hình thành từ nhiều yếu tố khác nhau như môi trường cư trú, phương thức mưu sinh, các yếu tố thuộc lịch sử - văn hóa... Trong bài viết này, đề cập tới lối sống của ngư dân, chúng tôi dựa trên một số yếu tố về kinh tế và văn hóa.

Người nghèo chính là những người có điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập thấp, một ngày chỉ kiếm được vài ba chục nghìn, lo được bữa cơm bữa cháo qua ngày, cuộc sống mưu sinh rất khó khăn, dẫn tới khó tiếp cận các dịch vụ xã hội, “sống thu mình” trong không gian hẹp, mang tâm lý tự ti. Kinh tế khó khăn, “chi tiêu thiếu thốn, không dám mua sắm gì, ăn tiêu phải tính toán, đâu dám mua những thứ đặc sản để ăn, bữa cơm đạm bạc, rau là chính, ít khi có miếng thịt, miếng cá, quần áo cũng ít mua sắm, không có điều kiện để nuôi con ăn học”. Đó là ý kiến của một ngư dân nghèo khi trả lời phỏng vấn của nhóm nghiên cứu.

Hoạt động mưu sinh của ngư dân ở hai điểm nghiên cứu dựa vào khai thác hải sản là chính, mà công việc này là của nam giới. Chính vì vậy, người đàn ông là trụ cột kinh tế của gia đình. Nhưng khi họ mất đi hay bị tai nạn, sẽ đẩy cuộc sống gia đình vào nghèo đói, nợ nần, con cái mất cơ hội tới trường. Hầu hết con em của những gia đình nghèo đều không có điều kiện học lên cao. Tại thôn Bình Tân (xã Bình Minh), chỉ có một hai hộ gia đình vay mượn ngân hàng để nuôi con ăn học. Nghèo cũng dẫn đến việc tiếp cận y tế

rất khó khăn, không có tiền để chăm sóc cho sức khỏe, nhất là người dân tại An Hải, chi phí cho đi lại vào đất liền khám chữa bệnh hết rất nhiều tiền, nên người dân khó được chăm sóc tốt về mặt y tế.

### **3.2. Lối sống của người giàu**

Người giàu có đời sống kinh tế và tinh thần vững vàng, thể hiện trong sự chỉ tiêu sinh hoạt, hoạt động giải trí và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội. Họ không phải đắn đo hay suy nghĩ gì về chi tiêu cho các bữa ăn, hay mua sắm các vật dụng trong gia đình. Họ có điều kiện đi du lịch, tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên trong gia đình tiếp cận các dịch vụ y tế tốt nhất, con cái được học hành trong môi trường tốt. Trong xã hội, lời ăn tiếng nói của nhà giàu mạnh dạn, “có khẩu khí” hơn rất nhiều so với người nghèo. Họ ăn mặc khác, đẹp hơn, quần áo hàng hiệu.

Đặc điểm chung của người giàu tại hai địa bàn nghiên cứu là hoạt động đầu tư mua đất tại thị trấn, thành phố, để tạo điều kiện tối đa cho con cái ăn học với mong muốn sau này con cái không theo nghề biển. Có thể nói, người giàu được chăm sóc tốt cả vật chất lẫn tinh thần, con cái có nhiều cơ hội tiếp cận giáo dục và y tế hơn người nghèo.

#### **Một vài nhận xét**

Mặc dù các địa phương đã nỗ lực thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo nhưng tỷ lệ nghèo ở hai điểm nghiên cứu trên vẫn cao: ở An Hải, hộ nghèo luôn ở mức trên 20% tổng số hộ, con số này ở Bình Minh là hơn 18%. Ngoài ra, còn có một bộ phận lớn các hộ cận nghèo. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo đang có xu hướng giảm ở cả hai địa phương.

Sự phân hóa xã hội ở An Hải và Bình Minh chủ yếu là sự khác biệt về nguồn thu nhập, mức sống và lối sống của những người giàu, người nghèo và người có thu nhập trung bình ổn định trong cộng đồng. Những người giàu có cuộc sống vật chất và tinh thần đầy đủ; nhà cửa kiên cố, tiện nghi sinh hoạt trong gia đình đầy đủ và có giá trị cao, quan hệ xã hội rộng rãi hơn. Ngược lại, ở người nghèo, điều kiện ăn ở khó khăn hơn, khả năng tiếp cận y tế, giáo dục hạn chế, cuộc sống tự ti so với những người xung quanh. Tuy nhiên, trong quan hệ xã hội hàng ngày, người nghèo không bị kỳ thị; trái lại, họ nhận được sự giúp đỡ và chia sẻ của cộng đồng.

Người dân nơi đây đã nhận thức rõ được sự phân tầng mức sống, và khoảng cách giàu nghèo đang ngày càng lớn giữa các bộ phận cư dân tại địa phương. Họ có những tiêu chí riêng mang tính toàn diện dựa trên tiêu chí nghề nghiệp, nguồn thu nhập, các loại tài sản cố định cũng như tính năng động của cá nhân. Người dân cũng đưa ra các nguyên nhân, đặc điểm của hộ nghèo, giàu. Trong các nguyên nhân dẫn tới nghèo đói, thiếu vốn, thiếu lao động nam tham gia đánh bắt hải sản và rủi ro nghề biển là những nguyên nhân chính.

Sự phân hóa giàu nghèo ở hai địa phương trên thể hiện thông qua cơ cấu nghề nghiệp. Những người buôn bán, chủ tàu và cán bộ xã, huyện là những người giàu có nhất; viên chức, thuyền viên, những người làm ngư nghiệp kết hợp với nông nghiệp có cuộc sống khá giả và tương đối ổn định; bộ phận nghèo là những người thuần nông nghiệp. Ngư nghiệp là ngành mang lại nguồn thu nhập chính cho những người dân

nơi đây, đây cũng là ngành có nhiều người giàu. Trong số những người giàu nổi lên, một số người trẻ có năng lực, nhạy bén với thị trường.

Giới, tuổi, trình độ học vấn và tiếp cận các dịch vụ xã hội là những yếu tố tác động mạnh đến sự phân hóa xã hội ở hai địa phương trên. Những gia đình có nhiều nam giới, có sức khỏe tham gia khai thác hải sản là những hộ có cuộc sống khá và giàu. Họ cũng có khả năng đầu tư vào giáo dục cho thế hệ sau, tiếp cận các dịch vụ y tế tốt nhất. Trình độ học vấn tác động không lớn đến sự phân hóa giàu nghèo ở hai địa phương trên. Trong các yếu tố trên, giới là yếu tố rất quan trọng tác động đến nghèo và phân hóa giàu nghèo...

Có thể nhận thấy, sự phân hóa giàu nghèo đang diễn ra mạnh mẽ và khoảng cách ngày càng lớn giữa các bộ phận dân cư trên địa bàn nghiên cứu. Người giàu đang ngày càng giàu lên. Họ nắm bắt được thời cơ, biết phát huy nguồn vốn của bản thân và sự hỗ trợ của Nhà nước; hơn nữa, họ biết phát huy mạng lưới xã hội rộng rãi do chính họ tạo ra để nâng cao thu nhập cho mình. Ngược lại, những người nghèo ngày càng nghèo đi, do họ không có khả năng lao động, khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn tài chính để phát triển kinh tế.

#### Tài liệu tham khảo

1. Lê Ngọc Huynh (2015), “Một số khía cạnh về kinh tế - xã hội của ngư dân ven biển Việt Nam qua tổng quan tài liệu”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 46-56.

2. Đỗ Thiên Kính (2002), “Tìm hiểu phân tầng xã hội trong lịch sử và áp dụng vào nghiên cứu phân hóa giàu nghèo ở nước

ta hiện nay”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 1, tr. 51-58.

3. Trần Hồng Liên (2004), *Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Duy Trịnh Luân (2004), *Xã hội học đô thị*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Đỗ Hoài Nam (Chủ biên) (2003), *Phát triển kinh tế - xã hội và môi trường các tỉnh ven biển Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Nguyễn Duy Thiệu (2002), *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Phan Thị Yến Tuyết (2014), *Đời sống xã hội - kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

8. UBND xã An Hải, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (2015), *Báo cáo tình hình thực hiện kinh tế - xã hội năm 2014 và nhiệm vụ năm 2015*, bản đánh máy, lưu tại văn phòng UBND xã An Hải.

9. UBND xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (2015), *Báo cáo tình hình thực hiện kinh tế - xã hội năm 2014 và nhiệm vụ năm 2015*, bản đánh máy lưu tại văn phòng UBND xã Bình Minh.

10. Nguyễn Văn Vinh (2012), *Địa chí xã Bình Minh*, Đảng ủy xã Bình Minh ấn hành.

11. Trần Thị Hồng Yến (2013), *Biến đổi về xã hội và văn hóa ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa tại Hà Nội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.